

Số: 09/2026/QĐST - LĐ

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Hà;

- Thư ký phiên họp: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 05/2026/TLST-VLĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 03/2026/QĐST-VLĐ ngày 29/01/2026 và Quyết định hoãn phiên họp số 03/2026/QĐST-VLĐ ngày 04/02/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị B, sinh ngày 08/8/1988; CCCD số 030188007241; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH S1. Địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Jung Young C – Tổng giám đốc công ty S1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Oh Bong S – Phó tổng giám đốc.

2.2. Bảo hiểm xã hội cơ sở H. Địa chỉ: Số G đường T, phường H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quý Q – Chức vụ Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K – Chức vụ Phó giám đốc.

2.3. Chị Vũ Thị Đ, sinh ngày 18/9/1992; CCCD số 030192000374; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG:

1. Tại đơn yêu cầu và biên bản lấy lời khai, người yêu cầu chị Vũ Thị B trình bày:

Chị và Vũ Thị Đ là chị em ruột. Tháng 1/2008, Vũ Thị Đ muốn đi làm nhưng chưa đủ 18 tuổi nên có mượn chị chứng minh nhân dân số 142421832 để làm hồ sơ xin việc, do không hiểu biết pháp luật nên chị đồng ý. Vũ Thị Đ xin vào làm việc tại Công ty TNHH S2 và được công ty TNHH S2 ký hợp đồng lao động (không nhớ số và ngày, tháng ký hợp đồng). Sau đó, đến tháng 4/2008 công ty TNHH S2 sáp nhập vào công ty S1 nên Vũ Thị Đ tiếp tục làm việc tại công ty TNHH S1 từ tháng 5/2008 đến tháng 2 năm 2010 thì nghỉ việc. Do Vũ Thị Đ làm mất hợp đồng lao động nên không có đề nộp cho Tòa án. Khi làm việc, Vũ Thị Đ được Công ty Đ1, bảo hiểm thất nghiệp (*viết tắt: BHXH, BHTN*) theo quy định của pháp luật từ tháng 1 năm 2008 đến tháng 2 năm 2010, đã được Cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục cấp mã số bảo hiểm là 142421832 mang tên chị là Vũ Thị B, trong khi thực tế chị không làm việc tại Công ty TNHH S2 nay là TNHH S1 thời gian nào. Sau khi nghỉ việc, chị và Vũ Thị Đ không đến cơ quan bảo hiểm để rút tiền bảo hiểm.

Thực tế, trong thời gian từ tháng 7 năm 2008 đến nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH C1, địa chỉ: Khi công nghiệp P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương- nay là xã C, thành phố Hải Phòng và được công ty đóng BHXH, BHTN, với mã số bảo hiểm là 3009011451 mang tên Vũ Thị Bến .

Như vậy, trong cùng khoảng thời gian năm 2008 đến năm 2010 cùng một con người trên hệ thống bảo hiểm xã hội, chị đang tham gia bảo hiểm bằng hai mã số bảo hiểm là 142421832 và 3009011451. Nhận thức việc Vũ Thị Đ mượn chứng minh nhân dân của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 là không đúng. Nên chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 với Vũ Thị B (do Vũ Thị Đ ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả là hoàn trả số tiền đóng bảo hiểm cho Công ty TNHH S1 từ tháng 1/2008 đến tháng 2/2010 tại sổ BHXH số 142421832 theo quy trình thoái thu của Đ1 và đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Ý kiến của chị Vũ Thị Đ:** Chị và chị Vũ Thị B là chị em ruột. Chị mượn chứng minh nhân dân của chị B để nộp hồ sơ xin việc, ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S2 và nay là Công ty TNHH S1 từ tháng 01/2008 đến tháng 02/2010 như chị B trình bày là đúng sự thật. Do thời gian đã lâu và bị thất lạc hợp đồng nên chị không nhớ thời gian ký hợp đồng lao động và cung cấp cho Tòa án. Sau khi lĩnh lương tháng 2 năm 2010 của công ty, do tự ý nghỉ và không thông báo nên chị không có văn bản chấm dứt hợp đồng với công ty. Số tiền công ty Đ1, chị chưa làm thủ tục rút. Ngoài mượn chứng minh nhân dân của chị B để

ký hợp đồng lao động với công ty TNHH S1, chị không ký hợp đồng lao động với công ty nào khác. Nay nhận thức việc mượn chứng minh nhân dân của chị B để ký kết hợp đồng lao động là không đúng nên chị đồng ý với yêu cầu của chị B là tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả hoàn trả cho Công ty TNHH S1 số tiền bảo hiểm đã đóng từ tháng 1/2008 đến tháng 2/2010, mã số BHXH 142421832 theo quy trình thoái thu của Đ1. Ngoài ra, chị không có yêu cầu nào khác và đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

- Ý kiến của Công ty TNHH S1:

Qua kiểm tra các File mềm mà Công ty còn lưu giữ được lĩnh vực BHXH, BHTN trên máy tính có ghi nhận Vũ Thị B, sinh ngày 08/08/1988 vào Công ty làm từ ngày 20/10/2007, được tham gia BHXH, BHTN từ tháng 1/2008 đến tháng 2/2010 và được chốt sổ vào tháng 3/2010, với mã số bảo hiểm 142421832. Các giấy tờ như hợp đồng, hồ sơ xin việc, giấy tờ liên quan đến việc báo tăng bảo hiểm bằng bản giấy đứng tên Vũ Thị B do thời gian quá lâu hiện tại công ty không còn lưu trữ nên không cung cấp được cho Tòa án.

Ngày 05/9/2007, Công ty TNHH S1 là chủ sở hữu của Công ty TNHH S1 có ký biên bản thỏa thuận 4 bên với Công ty TNHH S2, Công ty TNHH V, Công ty B1 về việc thay đổi chủ đầu tư của Công ty TNHH S2. Ngày 18/4/2008 Công ty TNHH S1 được Ủy ban nhân dân tỉnh H cấp giấy chứng nhận đầu tư số 041043000037 chứng nhận là Chủ đầu tư mới thay thế cho chủ đầu tư cũ, cũng trong giấy chứng nhận, tại phần đăng ký lại doanh nghiệp có ghi: Công ty TNHH S1 được kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH S2 kể từ ngày ký giấy chứng nhận đầu tư. Vì vậy, thời gian làm việc và thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của Vũ Thị B tại Công ty TNHH S2 sẽ được cộng dồn vào tổng thời gian làm việc và thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại công ty TNHH S1.

Đối với yêu cầu của chị Vũ Thị B, quan điểm của công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Bảo hiểm xã hội cơ sở H:

Căn cứ dữ liệu Hệ thống quản lý thu và sổ thẻ, Hệ thống quản lý chính sách của ngành, BHXH cơ sở H cung cấp thông tin về người lao động tên Vũ Thị B, sinh ngày 08/08/1988, số CMND 142421832, mã số BHXH 142421832 có thời gian tham gia đóng BHXH, BHTN từ tháng 1/2008 - 2/2010 tại Công ty TNHH S1 (có kèm theo bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN), không có dữ liệu hưởng BHXH một lần hay trợ cấp thất nghiệp; đồng thời có thời gian tham gia đóng BHXH, BHTN từ tháng 7/2008 đến nay (tháng 1/2026) tại công ty TNHH C1, với số CCCD 030188007241, mã số BHXH 3009011451 do BHXH cơ sở B2 quản lý thu. Thời gian trùng đóng BHXH, BHTN từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2010.

Quan điểm giải quyết vụ việc: BHXH cơ sở H đề nghị Tòa án xem xét căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc theo thẩm quyền và giải quyết hậu quả sau khi tuyên bố HĐLĐ vô hiệu đảm bảo tính khả thi khi thi hành phán quyết. Sau khi có kết luận của Tòa án, căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động, BHXH cơ sở H sẽ thực hiện theo đúng quy định. Đề nghị giải quyết vụ việc vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Bến . Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, hoàn trả cho Công ty TNHH S1 tổng số tiền bảo hiểm đã đóng theo quy trình thoái thu. Chị B phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người yêu cầu có đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động, nơi giao kết và thực hiện hợp đồng tại trụ sở của Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1, có địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Hiện, các đương sự đều không cung cấp được hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHTN của mã số bảo hiểm 142421832 và sự thừa nhận của các đương sự có căn cứ xác định có hợp đồng lao động giữa bên chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 Vina với bên người lao động chị Vũ Thị Đ nhưng hồ sơ mượn tên Vũ Thị B, thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 02/2010.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXX ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thể hiện: “...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm **vi phạm nguyên tắc “trung thực”** theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ L1 động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định Tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng Lao động vô hiệu toàn bộ...”. Chị Đ mượn hồ sơ cá nhân của chị B để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm là 142421832 từ tháng 01/2008 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Vì vậy, yêu cầu của chị B đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động đứng tên Vũ Thị B (do chị Vũ Thị Đ ký) và Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 vô hiệu là có căn cứ và được chấp nhận.[2.2]. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Quá trình chị Đ (mượn tên của chị B) làm việc tại Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm là 142421832 và hiện chưa hưởng BHXH một lần hay trợ cấp thất nghiệp sau khi chị Đ nghỉ việc. Căn cứ vào tài liệu ghi quá trình đóng BHXH, BHTN của mã số bảo hiểm là 142421832 và quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh H xác định công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị Vũ Thị Đ (đứng tên hồ sơ là Vũ Thị B) thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 02/2010. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH S1 số tiền bảo hiểm đã đóng theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội. **[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:** Chị Vũ Thị B phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 52 Bộ luật lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị B.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 với người lao động tên Vũ Thị B (do chị Vũ Thị Đ giao kết hợp đồng) là vô hiệu.

- Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Hoàn trả cho Công ty TNHH S2 nay là Công ty TNHH S1 số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Vũ Thị Đ (đứng tên Vũ Thị B) từ tháng 01/2008 đến tháng 2/2010, mã số BHXH: 142421832, theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

[3]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000383 ngày 12/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng (đã thực hiện xong).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - HP;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Thị Hà

